Chi tiết mã HS 7314.50.00

Mã HS	7314.50.00
Mô tả hàng hóa	Tấm đan (kể cả đai liền), phên, lưới và rào, làm bằng dây sắt hoặc thép; sản phẩm dạng lưới được tạo hình bằng phương pháp đột dập và kéo giãn thành lưới bằng sắt hoặc thép / - Sản phẩm dạng lưới được tạo hình bằng phương pháp đột dập và kéo giãn thành lưới
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	03/11/2026 10:35:08
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/73145000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K11808
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N11808
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q11808
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-ID)	0% (trừ ID)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	11.4	11,4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E11155
ATIGA	2022	2022	0	AT!E11098
ATIGA	2023	2023	0	AT!F11098
ATIGA	2024	2024	0	AT!G11098
ATIGA	2025	2025	0	AT!H11098
ATIGA	2026	2026	0	AT!I11098
ATIGA	2027	2027	0	AT!J11098
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	1	AJ!E11150
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F11150

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G11150
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H11150
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I11150
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J11150
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E11151
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F11151
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G11151
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H11151
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I11151
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J11151
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F11154
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H11104
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F11110
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G11110
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H11110
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I11110
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J11110
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K11110
VKFTA	2022	2022	0	VK!E11141
VKFTA	2023	2023	0	VK!F11141
VKFTA	2024	2024	0	VK!G11141
VKFTA	2025	2025	0	VK!H11141
VKFTA	2026	2026	0	VK!I11141
VKFTA	2027	2027	0	VK!J11141
VCFTA	2022	2022	4	VC!D11188
VCFTA	2023	2023	2	VC!E11188

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F11188
VCFTA	2025	2025	0	VC!G11188
VCFTA	2026	2026	0	VC!H11188
VCFTA	2027	2027	0	VC!I11188
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D11173
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E11173
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F11173
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G11173
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H11173
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I11173
AHKFTA	2022	2022	12	AKH!D11173
AHKFTA	2023	2023	8	AKH!E11173
AHKFTA	2024	2024	8	AKH!F11173
AHKFTA	2025	2025	4	AKH!G11173
AHKFTA	2026	2026	4	AKH!H11173
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I11173
EVFTA	2022	2022	10	EV-NK!D11190
EVFTA	2023	2023	6,6	EV-NK!E11190
EVFTA	2024	2024	3,3	EV-NK!F11190
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G11190
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H11190
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I11190
UKVFTA	2022	2022	10	UKV!D11189
UKVFTA	2023	2023	6,6	UKV!E11189
UKVFTA	2024	2024	3,3	UKV!F11189
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G11189

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H11189
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I11189
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D11136
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E11136
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F11136
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G11136
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H11136
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I11136
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J11136
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D11173
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E11173
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F11173
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G11173
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H11173
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I11173
RCEP B	2022	2022	0	B!D11173
RCEP B	2023	2023	0	B!E11173
RCEP B	2024	2024	0	B!F11173
RCEP B	2025	2025	0	B!G11173
RCEP B	2026	2026	0	B!H11173
RCEP B	2027	2027	0	B!I11173
RCEP C	2022	2022	0	C!D11173
RCEP C	2023	2023	0	C!E11173
RCEP C	2024	2024	0	C!F11173
RCEP C	2025	2025	0	C!G11173
RCEP C	2026	2026	0	C!H11173

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I11173
RCEP D	2022	2022	0	D!D11172
RCEP D	2023	2023	0	D!E11172
RCEP D	2024	2024	0	D!F11172
RCEP D	2025	2025	0	D!G11172
RCEP D	2026	2026	0	D!H11172
RCEP D	2027	2027	0	D!I11172
RCEP E	2022	2022	0	E!D11176
RCEP E	2023	2023	0	E!E11176
RCEP E	2024	2024	0	E!F11176
RCEP E	2025	2025	0	E!G11176
RCEP E	2026	2026	0	E!H11176
RCEP E	2027	2027	0	E!I11176
RCEP F	2022	2022	0	F!D11173
RCEP F	2023	2023	0	F!E11173
RCEP F	2024	2024	0	F!F11173
RCEP F	2025	2025	0	F!G11173
RCEP F	2026	2026	0	F!H11173
RCEP F	2027	2027	0	F!I11173
VIFTA	2024	2024	17.1	VI!F10349
VIFTA	2025	2025	14.3	VI!G10349
VIFTA	2026	2026	11.4	VI!H10349
VIFTA	2027	2027	8.6	VI!I10349

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7314.50.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 7314.50.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N11808), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.